

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Tầng 6, Tòa nhà 154, Phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Tầng 6, Tòa nhà 154, Phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Tôn Thiện Việt	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Mạnh	Ủy viên thường trực (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015)
Ông Vũ Xuân Hân	Ủy viên thường trực (bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2015)
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2015)
Ông Trần Tùng Linh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2015)
Ông Lê Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Trần Duy Cường	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2015)
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2015, miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015)
Ông Trịnh An Huy	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Xuân Hân	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2015)
Ông Trần Ngọc Mạnh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2015)
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Xuân Hân
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2016

Số: 000 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2016, từ trang 4 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày số liệu của năm nay.

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, lỗ lũy kế của Công ty là 159.541.479.974 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 160.017.425.841 đồng). Ban Tổng Giám đốc đã có kế hoạch kinh doanh cho năm 2016 và tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.


Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 02 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		69.327.356.838	65.675.391.621
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	830.055.727	24.848.660.547
1. Tiền	111		830.055.727	1.848.660.547
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	23.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	36.248.285.622	321.580.622
1. Chứng khoán kinh doanh	121		585.027.622	585.027.622
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(336.742.000)	(263.447.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		36.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.359.058.584	25.913.716.714
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	23.248.702.789	21.594.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		759.439.022	420.259.267
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	57.386.853.335	65.510.394.009
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(58.035.936.562)	(61.610.936.562)
IV. Hàng tồn kho	140	10	7.878.185.223	13.487.215.223
1. Hàng tồn kho	141		7.878.185.223	13.487.215.223
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.011.771.682	1.104.218.515
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		165.291.837	10.640.726
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		746.305.457	993.403.401
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		100.174.388	100.174.388
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		183.617.342.803	186.130.794.123
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	48.938.240.000	48.938.240.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(48.938.240.000)	(48.938.240.000)
II. Tài sản cố định	220		1.418.378	8.501.714
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.418.378	8.501.714
- Nguyên giá	222		250.958.184	1.394.925.197
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(249.539.806)	(1.386.423.483)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		95.400.000	95.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.400.000)	(95.400.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	30.910.681.310	27.140.689.294
- Nguyên giá	231		33.100.000.000	28.600.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.189.318.690)	(1.459.310.706)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	130.739.366.198	129.739.366.198
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		130.739.366.198	129.739.366.198
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	21.965.876.917	29.242.236.917
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	17.150.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.184.480.000	33.184.480.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.218.603.083)	(21.092.243.083)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		252.944.699.641	251.806.185.744

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		32.442.132.360	31.779.564.330
I. Nợ ngắn hạn	310		32.442.132.360	31.779.564.330
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		21.780.000	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.237.852.516	1.892.852.516
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		61.160.931	74.507.987
4. Phải trả người lao động	314		400.307.218	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		113.022.466	75.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	28.408.854.135	28.385.315.733
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.199.155.094	1.351.888.094
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		220.502.567.281	220.026.621.414
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	220.502.567.281	220.026.621.414
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.500.000.000	373.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.500.000.000	373.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.790.387.000	2.790.387.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.546.600.829)	(3.546.600.829)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.300.261.084	7.300.261.084
5. Lỗ lũy kế	421		(159.541.479.974)	(160.017.425.841)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(160.017.425.841)	(133.603.995.205)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lỗ) năm nay	421b		475.945.867	(26.413.430.636)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		252.944.699.641	251.806.185.744



Lê Thị Hương
 Người lập biểu

Ngày 26 tháng 02 năm 2016



Nguyễn Thùy Linh
 Kế toán trưởng



Vũ Xuân Hân
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	13.416.828.731	467.376.680
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	13.416.828.731	467.376.680
4. Giá vốn hàng bán	11	17	11.847.862.299	1.005.139.803
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.568.966.432	(537.763.123)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.745.205.586	1.326.079.441
7. Chi phí tài chính	22	19	73.305.000	16.470.791.134
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	3.434.911.123	18.094.724.307
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(194.044.105)	(33.777.199.123)
11. Thu nhập khác	31		768.413.043	7.584.391.638
12. Chi phí khác	32		98.423.071	220.623.151
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		669.989.972	7.363.768.487
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		475.945.867	(26.413.430.636)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		475.945.867	(26.413.430.636)
17. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	22	13	(716)



Lê Thị Hương
 Người lập biểu



Nguyễn Thùy Linh
 Kế toán trưởng



Vũ Xuân Hân
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2016


Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

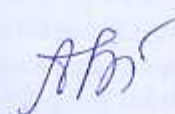
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	475.945.867	(26.413.430.636)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	737.091.320	750.761.091
Các khoản dự phòng	03	3.648.295.000	21.653.039.212
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.358.387.379)	(1.364.390.386)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.502.944.808	(5.374.020.719)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(4.160.062.133)	26.818.875.362
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	3.909.030.000	(498.953.499)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	818.158.155	(1.388.642.022)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(154.651.111)	195.757.009
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	79.712.460
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(152.733.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.762.686.719	19.832.728.591
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	200.000.000	(2.073.642.273)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	38.310.945
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(36.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	7.276.360.000	985.613.852
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.745.205.586	1.326.079.441
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(26.778.434.414)	276.361.965
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.857.125)	(4.536.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.857.125)	(4.536.250)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(24.018.604.820)	20.104.554.306
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.848.660.547	4.744.106.241
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	830.055.727	24.848.660.547


 Lê Thị Hương
 Người lập biểu


 Nguyễn Thùy Linh
 Kế toán trưởng


 Vũ Xuân Hân
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư PV2, tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102306389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 32 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 12 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ kinh doanh và đầu tư bất động sản;
- Dịch vụ đầu tư tài chính.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp với giá gốc của khoản đầu tư là 17.150.000.000 VND tại Công ty Cổ phần Dịch vụ V-Car (công ty liên kết của Công ty) theo Quyết định số 06/QĐ-PV2 ngày 03 tháng 3 năm 2015 về việc chuyển nhượng 1.790.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ V-Car thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư PV2.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 chi nhánh và 01 văn phòng đại diện:

- Tên chi nhánh: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI tại Đồng Nai
Địa chỉ: Phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Tên văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI (Thành phố Hồ Chí Minh)
Địa chỉ: 1-3-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của năm nay.

